TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-4-2022
V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 363/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Trần Đình Th, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Thanh T) trình bày*:**

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Đình Th tự nguyện chung sống với nhau năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 31/8/2011 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Q, huyện C, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu chung sống thì hai vợ chồng sống hạnh phúc và có một con chung nhưng sau khi có con vài

tháng thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, ông Th không quan tâm đến gia đình làm cho cuộc sống vợ chồng ngày tẻ nhạt và làm đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, vợ chồng đã không còn sống chung từ hơn 07 năm nay. Vì vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Th.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông Th có 01 con chung tên Trần Đình Ph1, sinh ngày 02/4/2012. Bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Lý do bà T yêu cầu nuôi con là do con chung từ khi sinh ra cho đến nay đều do bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và hiện tại bà T đang làm công việc tự do (bán hàng online) với mức thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng đủ để nuôi con. Từ khi ông Th bỏ nhà đi thì ít khi ông Th gọi điện thoại hỏi thăm con và cũng không gửi tiền phụ bà T nuôi con. Hơn nữa, bà T đang sống chung với mẹ ruột nên có điều kiện chăm sóc con chung tốt hơn ông Th.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn (ông Trần Đình Th).

Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập để ông Th thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng không có mặt trong tất cả các buổi làm việc, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 27/10/2021, bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Trần Đình Th nên đây là vụ án "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Bà T khởi kiện ông Th về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông Th hiện đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:* Tại phiên tòa, bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Th theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Q, huyện C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01/2011 ngày 31/8/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Đình Th là hợp pháp.

[2.2] Bà T trình bày sau khi đăng ký kết hôn năm 2011, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã, ông Th không quan tâm đến gia đình làm cho cuộc sống vợ chồng ngày tẻ nhạt và làm đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện vợ chồng đã không còn sống chung hơn 07 năm nay. Vì vậy, bà T làm đơn ly hôn với ông Th. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà T thì ông Th không có mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác…và lý do chính đáng khác. Tại các biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 17/02/2022 của Tòa án xác định bà T và ông Th không còn chung sống với nhau từ năm 2012, ông Th không về nhà để chăm sóc vợ con. Hơn nữa, trong quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập ông Th tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Th vắng mặt. Điều này cho thấy bà T và ông Th không còn quan tâm chăm sóc nhau và ông Th không mong muốn hàn gắn với bà T. Do đó mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông Th đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[2.3] Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Đình Ph1, sinh ngày 02/4/2012. Xét thấy, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "...Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Hiện tại, bà T làm công việc tự do (bán hành online) có mức thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Cháu Ph1 từ khi nhỏ sống cùng với bà T nên cháu cần được duy trì cuộc sống có sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ. Việc giao cháu cho mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu Ph1. Mặt khác, ông Th cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T về việc nuôi dưỡng con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện không yêu cầu ông Trần Đình Th cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Trần Đình Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Đình Th.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Đình Ph1, sinh ngày 02/4/2012 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu ông Trần Đình Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Đình Th được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực

tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0006942 ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND thị trấn Q, huyện C;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Quang Bảo